

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 3CE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 3CE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 3CE SERVICE TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110758815

3. Ngày thành lập: 20/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất N6-8 khu chéo đường tàu, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0762313270

Fax:

Email: congytnhh691@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
2.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
3.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
5.	Xây dựng công trình thủy	4291
6.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
10.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
11.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
13.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541

14.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4542
15.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
17.	Bán buôn thực phẩm	4632
18.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
28.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4690(Chính)

29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đồ uống có cồn)	4711
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ uống có cồn)	4723
33.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773
40.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
41.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020

51.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không gồm hoạt động điều tra của các cơ quan nhà nước, hoạt động thám tử tư dưới mọi hình thức)	7320
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
55.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
59.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
60.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
61.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
63.	Dịch vụ đóng gói	8292
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
65.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
66.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
67.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
68.	Trồng cây lâu năm khác	0129
69.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
70.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
71.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
72.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
73.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
74.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
75.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
76.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
77.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
78.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
79.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
80.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
81.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
82.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
83.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

84.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
85.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
86.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
87.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
88.	In ấn	1811
89.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
90.	Sao chép bản ghi các loại	1820
91.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
92.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
93.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
94.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
95.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
96.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
97.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
98.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
99.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
100.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
101.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
104.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
105.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
108.	Xây dựng nhà để ở	4101
109.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. Vốn điều lệ: 1.100.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN TIẾN HẠNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/09/1999

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038099014351

Ngày cấp: 17/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 9, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 9, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN HẠNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 28/09/1999

Dân tộc: *Tày*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038099014351

Ngày cấp: 17/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn 9, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 9, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội